



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017*  
*đã được kiểm toán*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT**  
**NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880  
CN Hà Nội: P12.8 Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84-24) 3244.40.44 / Fax: (84-24) 3244.40.45

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 4</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	<b>6 – 43</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 43

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300296337 ngày 14 tháng 02 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: Xẻ băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiểu kiot có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm<sup>2</sup>, điện áp đến 500KV;
- Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vặn xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
- Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV; công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

---

- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, đấm lưng, vật lý trị liệu;
- Cho thuê bãi đỗ xe.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mẫn Ngọc Anh	Chủ tịch
Ông Mẫn Hồng Cần	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quế	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Cương	Ủy viên
Ông Trần Vĩnh Hưng	Ủy viên

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mẫn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Mẫn Hồng Cần	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kim Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lục Xít	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Phụ trách kế toán

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

---

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 8 năm 2018

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Mẫn Ngọc Anh**

Số : 212/2018/BCKT-TC2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka, được lập ngày 18 tháng 8 năm 2018, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2018

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Mai Văn Công**



**Lại Trường Dương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2014-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3392-2015-152-1

### **Trụ sở chính**

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880  
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

### **Chi nhánh Hà Nội**

P12.8 Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội  
Điện thoại: 024 3244.40.44 / Fax: 024 3244.40.45  
Email: info@namviethn.vn / Web: www.aascn.com.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.727.808.082.602</b>	<b>1.900.102.844.776</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>39.593.043.962</b>	<b>42.094.001.297</b>
1.	Tiền	111	V.01	39.593.043.962	42.094.001.297
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>795.089.064.334</b>	<b>883.504.893.193</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	351.119.180.622	412.567.558.897
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	408.283.108.532	323.535.591.726
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	36.532.545.406	144.399.303.238
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.592.652.148)	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		746.881.922	3.002.439.332
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>878.826.878.538</b>	<b>924.662.361.202</b>
1.	Hàng tồn kho	141		897.968.652.381	924.662.361.202
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(19.141.773.843)	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.299.095.768</b>	<b>49.841.589.084</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.446.739.527	1.440.580.910
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.712.722.182	48.130.915.853
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	139.634.059	270.092.321
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.345.510.826.660</b>	<b>1.049.606.358.450</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>61.211.773.636</b>	<b>60.141.000.000</b>
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	61.211.773.636	60.141.000.000
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>513.933.417.720</b>	<b>515.339.853.014</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	502.941.062.506	514.264.213.668
	- Nguyên giá	222		983.197.500.425	923.959.257.504
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(480.256.437.919)	(409.695.043.836)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	9.958.436.928	-
	- Nguyên giá	225		10.361.596.243	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(403.159.315)	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.033.918.286	1.075.639.346
	- Nguyên giá	228		1.815.696.243	1.815.696.243
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(781.777.957)	(740.056.897)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>42.505.525.141</b>	<b>42.602.956.465</b>
	- Nguyên giá	231		43.423.296.545	43.423.296.545
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(917.771.404)	(820.340.080)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.07</b>	<b>628.742.874.863</b>	<b>326.536.907.498</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		628.742.874.863	326.536.907.498
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>54.948.598.103</b>	<b>50.804.034.198</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		400.000.000	400.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		54.548.598.103	50.404.034.198
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>44.168.637.197</b>	<b>54.181.607.275</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	23.526.595.428	24.703.799.887
5.	Lợi thế thương mại	269		20.642.041.769	29.477.807.388
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.073.318.909.262</b>	<b>2.949.709.203.226</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.838.617.357.438</b>	<b>1.706.774.531.344</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.408.628.978.838</b>	<b>1.473.622.984.585</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	181.393.134.162	452.610.399.136
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.723.620.838	9.903.091.830
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	20.770.778.493	6.695.056.282
4.	Phải trả người lao động	314		5.787.742.207	4.275.375.971
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.803.981.612	3.965.822.257
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	5.638.526.803	412.401.287
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	58.222.155.455	29.517.395.213
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	1.119.289.039.268	966.243.442.609
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>429.988.378.600</b>	<b>233.151.546.759</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	34.312.309.161	34.312.309.161
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.17	6.040.000.000	6.040.000.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	389.636.069.439	192.799.237.598
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.234.701.551.824</b>	<b>1.242.934.671.882</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>1.234.701.551.824</b>	<b>1.242.934.671.882</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		87.606.012.773	96.645.464.336
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		96.645.464.336	125.365.477.887
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(9.039.451.563)	(28.720.013.551)
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		47.095.539.051	46.289.207.546
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.073.318.909.262</b>	<b>2.949.709.203.226</b>

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc







Trần Thị Thanh Huyền

Trần Thị Thanh Huyền

Mẫn Ngọc Anh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>2.337.784.398.967</b>	<b>1.857.142.454.038</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	535.601.400	1.314.922.834
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>2.337.248.797.567</b>	<b>1.855.827.531.204</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	2.143.915.283.124	1.675.194.579.205
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>193.333.514.443</b>	<b>180.632.951.999</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	4.525.261.290	3.898.729.189
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	104.432.270.259	77.178.722.999
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>101.099.506.797</i>	<i>64.103.771.474</i>
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	16.567.308.649	19.089.796.328
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	72.663.285.153	61.732.029.128
11.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.195.911.672</b>	<b>26.531.132.733</b>
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	1.519.304.279	6.662.071.983
13.	Chi phí khác	32	VI.07	7.900.814.820	53.590.456.902
14.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(6.381.510.541)</b>	<b>(46.928.384.919)</b>
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(2.185.598.869)</b>	<b>(20.397.252.186)</b>
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	6.047.521.189	10.952.329.081
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(8.233.120.058)</b>	<b>(31.349.581.267)</b>
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(9.039.451.563)	(28.720.013.551)
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		806.331.505	(2.629.567.716)
21.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.10</b>	<b>(82)</b>	<b>(261)</b>
22.	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.11</b>	<b>(82)</b>	<b>(261)</b>

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Trần Thị Thanh Huyền

Trần Thị Thanh Huyền

Mẫn Ngọc Anh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	01		(2.185.598.869)	(20.397.252.186)
2.	<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		71.263.129.123	71.042.816.924
-	Các khoản dự phòng	03		1.592.652.148	(165.040.698)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.200.134.467	996.247.998
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31.714.691.940)	(1.291.383.309)
-	Chi phí lãi vay	06		101.099.506.797	64.103.771.474
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		141.255.131.726	114.289.160.203
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		180.399.590.514	49.109.889.347
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		24.954.456.287	(447.797.200.388)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(236.335.756.943)	(10.910.919.991)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		18.079.860.411	19.760.517.810
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(101.099.506.797)	(63.909.078.838)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(225.759)	(8.654.063.052)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.409.385)	250.384.330
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		27.244.140.054	(347.861.310.579)
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(371.965.229.870)	(43.240.292.575)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		13.636.364	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.984.022.000)	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.740.277.851	1.291.383.309
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(378.195.337.655)	(41.948.909.266)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.694.202.687.744	1.386.192.180.084
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.345.403.709.244)	(919.850.127.909)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(351.733.650)	(39.400.783.750)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>348.447.244.850</b>	<b>426.941.268.425</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(2.503.952.751)</b>	<b>37.131.048.580</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>42.094.001.297</b>	<b>4.962.952.717</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.995.416	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>39.593.043.962</b>	<b>42.094.001.297</b>

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Mẫn Ngọc Anh

Trần Thị Thanh Huyền

Trần Thị Thanh Huyền

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: Xẻ băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiểu kiot có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm<sup>2</sup>, điện áp đến 500KV;
- Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vện xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
- Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV; công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu;
- Cho thuê bãi đỗ xe.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách Công ty con được hợp nhất gồm:

<b>Tên Công ty con</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 31/3/2017</b>
- Công ty TNHH Rexam A.B.M	Lô 15, khu Công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	90,98%
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka - Korea	Khu Công nghiệp Hanaka, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	93,38%
- Công ty TNHH Xây dựng Đường 277 – Yên Phong	KCN Hanaka, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	100%
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hanaka Sài Gòn	Lô 44, đường số 8, KCN Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Biên Hòa	100%

- Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu gồm:

<b>Tên Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 31/3/2017</b>
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Xây dựng Công nghiệp Hanaka	Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	33,98%

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm này và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng giám đốc đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### **02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

### **03. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

#### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

### **04. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

#### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và TSCĐ thuê tài chính*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại

#### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và TSCĐ thuê tài chính*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	07 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 – 05 năm
- Quyền sử dụng đất	45 năm
- Phần mềm máy tính	03 – 08 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó

### 07. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

#### *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

#### *Khấu hao*

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà	50 năm
- Đối với quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao	

### 08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**19. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

**a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

**b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:**

**Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ Công ty phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nếu đến cuối kỳ kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong Công ty.

**Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:**

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các Công ty con trong Công ty phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu Công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty con chia lợi nhuận.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*Đơn vị tính: VND*

**01. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	237.689.333	338.306.431
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.355.354.629	41.755.694.866
<b>Cộng</b>	<b><u>39.593.043.962</u></b>	<b><u>42.094.001.297</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý		
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Xây dựng Công nghiệp Hanaka	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	54.548.598.103	54.548.598.103	50.404.034.198	50.404.034.198	-	-
+ Công ty Cổ phần Thiết bị điện	13.436.853.500	13.436.853.500	13.436.853.500	13.436.853.500	-	-
+ Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	-	-	4.839.458.095	4.839.458.095	-	-
+ Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam	448.802.603	448.802.603	448.802.603	448.802.603	-	-
+ Công ty Cổ phần Rexam Hanacans	31.678.920.000	31.678.920.000	31.678.920.000	31.678.920.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Bao bì Hanaka	8.984.022.000	8.984.022.000	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>54.948.598.103</b>	<b>54.948.598.103</b>	<b>50.804.034.198</b>	<b>50.804.034.198</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>351.119.180.622</b>	<b>412.567.558.897</b>
- Tổng Công ty điện lực thành phố Hà Nội	59.200.406.749	23.597.898.302
- Tổng Công ty Bia rượu và nước giải khát Sài Gòn	58.170.988.402	89.039.289.758
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	48.326.233.222	48.326.233.222
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	185.421.552.249	251.604.137.615
<b>Cộng</b>	<b>351.119.180.622</b>	<b>412.567.558.897</b>

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>48.353.020.422</b>	<b>48.326.233.222</b>
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	48.326.233.222	48.326.233.222
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng công nghiệp Hanaka	26.787.200	-
<b>Cộng</b>	<b>48.353.020.422</b>	<b>48.326.233.222</b>

**04. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>408.283.108.532</b>	<b>323.535.591.726</b>
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	255.425.326.800	134.042.133.018
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng công nghiệp Hanaka	26.465.586.042	26.116.227.613
- Trả trước cho người bán của nhà cung cấp khác	126.392.195.690	163.377.231.095
<b>Cộng</b>	<b>408.283.108.532</b>	<b>323.535.591.726</b>

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>287.728.304.232</b>	<b>160.158.360.631</b>
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	255.425.326.800	134.042.133.018
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	5.837.391.390	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng công nghiệp Hanaka	26.465.586.042	26.116.227.613
<b>Cộng</b>	<b>287.728.304.232</b>	<b>160.158.360.631</b>

**05. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>36.532.545.406</b>	-	<b>144.399.303.238</b>	-
- Tạm ứng	1.500.478.630	-	3.256.555.847	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	101.214.900	-	101.214.900	-
- Phải thu khác	34.930.851.876	-	141.041.532.491	-
+ Ông Mẫn Ngọc Anh	-	-	110.120.333.208	-
+ Ông Vũ Hoài Nam	12.685.000.000	-	12.685.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	22.245.851.876	-	18.236.199.283	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>61.211.773.636</b>	-	<b>60.141.000.000</b>	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	481.000.000	-	141.000.000	-
- Phải thu khác	60.730.773.636	-	60.000.000.000	-
+ Công ty TNHH Hồng Ngọc	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
+ Thuế GTGT tài sản thuế tài chính	730.773.636	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>97.744.319.042</b>	-	<b>204.540.303.238</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	428.518.011.387	-	600.714.333.167	-
- Công cụ, dụng cụ	4.343.859.632	-	7.108.524.220	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	276.231.944.981	-	166.933.266.838	-
- Thành phẩm	152.234.196.963	-	139.677.938.848	-
- Hàng hóa	36.640.639.418	(19.141.773.843)	10.228.298.129	-
<b>Cộng</b>	<b>897.968.652.381</b>	<b>(19.141.773.843)</b>	<b>924.662.361.202</b>	<b>-</b>

**07. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>628.742.874.863</b>	<b>326.536.907.498</b>
Mua sắm	172.822.815.570	16.358.299.687
Xây dựng cơ bản	455.920.059.293	310.178.607.811
- Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ Hanaka	300.796.599.914	176.301.428.977
- Nhà xưởng Tập đoàn Hanaka	-	4.393.525.538
- Xưởng máy biến áp truyền tải	95.763.691.932	94.638.040.505
- Nhà xưởng Hatachi	-	3.560.139.761
- Công trình Trung tâm thương mại Hồng Kông	26.880.000.000	26.880.000.000
- Công trình khác	32.479.767.447	4.405.473.030
<b>Cộng</b>	<b>628.742.874.863</b>	<b>326.536.907.498</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>		<b>265.510.481.357</b>	<b>607.272.338.522</b>	<b>45.131.001.370</b>	<b>4.955.436.255</b>	<b>1.090.000.000</b>	<b>923.959.257.504</b>
- Mua trong năm		-	2.532.346.200	-	-	-	2.532.346.200
- Đầu tư XD CB hoàn thành		56.865.320.062	-	-	-	-	56.865.320.062
- Phân loại lại khoản mục		-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	(159.423.341)	-	-	(159.423.341)
- Giảm khác		-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>		<b>322.375.801.419</b>	<b>609.804.684.722</b>	<b>44.971.578.029</b>	<b>4.955.436.255</b>	<b>1.090.000.000</b>	<b>983.197.500.425</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>		<b>64.607.264.217</b>	<b>312.920.550.038</b>	<b>27.513.432.649</b>	<b>3.802.249.791</b>	<b>851.547.141</b>	<b>409.695.043.836</b>
- Khấu hao trong năm		9.264.220.573	57.688.021.507	3.373.645.857	258.679.483	136.250.004	70.720.817.424
- Phân loại lại khoản mục		-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	(159.423.341)	-	-	(159.423.341)
- Giảm khác		-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>		<b>73.871.484.790</b>	<b>370.608.571.545</b>	<b>30.727.655.165</b>	<b>4.060.929.274</b>	<b>987.797.145</b>	<b>480.256.437.919</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>		<b>200.903.217.140</b>	<b>294.351.788.484</b>	<b>17.617.568.721</b>	<b>1.153.186.464</b>	<b>238.452.859</b>	<b>514.264.213.668</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>		<b>248.504.316.629</b>	<b>239.196.113.177</b>	<b>14.243.922.864</b>	<b>894.506.981</b>	<b>102.202.855</b>	<b>502.941.062.506</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 77.613.623.360 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-	-
- Thuê tài chính trong năm	4.794.096.241	5.567.500.002	10.361.596.243
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<b>4.794.096.241</b>	<b>5.567.500.002</b>	<b>10.361.596.243</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-	-
- Khấu hao trong năm	169.683.514	233.475.801	403.159.315
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<b>169.683.514</b>	<b>233.475.801</b>	<b>403.159.315</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<b>4.624.412.727</b>	<b>5.334.024.201</b>	<b>9.958.436.928</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<b>1.309.097.613</b>	<b>506.598.630</b>	<b>1.815.696.243</b>
- Mua trong năm	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<b>1.309.097.613</b>	<b>506.598.630</b>	<b>1.815.696.243</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<b>297.347.975</b>	<b>442.708.922</b>	<b>740.056.897</b>
- Khấu hao trong năm	29.091.060	12.630.000	41.721.060
- Tặng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<b>326.439.035</b>	<b>455.338.922</b>	<b>781.777.957</b>
<b>III. Giá trị còn lại TSCĐ vô hình</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<b>1.011.749.638</b>	<b>63.889.708</b>	<b>1.075.639.346</b>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<b>982.658.578</b>	<b>51.259.708</b>	<b>1.033.918.286</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 154.239.930 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	<b>43.423.296.545</b>	-	-	<b>43.423.296.545</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	43.423.296.545	-	-	43.423.296.545
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>820.340.080</b>	<b>97.431.324</b>	-	<b>917.771.404</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	820.340.080	97.431.324	-	917.771.404
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	<b>42.602.956.465</b>	-	<b>97.431.324</b>	<b>42.505.525.141</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	42.602.956.465	-	97.431.324	42.505.525.141
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

**12. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.446.739.527</b>	<b>1.440.580.910</b>
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.760.379.564	1.034.734.910
- Chi phí bảo hiểm máy móc, nhà xưởng	425.134.863	263.616.793
- Chi phí trả trước khác	261.225.100	142.229.207
<b>b. Dài hạn</b>	<b>23.526.595.428</b>	<b>24.703.799.887</b>
- Quyền sử dụng cơ sở hạ tầng	16.458.863.681	18.287.626.312
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	3.808.429.578	2.469.190.090
- Giá trị lợi thế kinh doanh	-	2.406.781.059
- Chi phí sửa chữa tài sản	2.269.646.675	963.912.448
- Chi phí thuê đất	422.047.067	447.369.188
- Chi phí khác	567.608.427	128.920.790
<b>Cộng</b>	<b>25.973.334.955</b>	<b>26.144.380.797</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**13. Vay và nợ thuế tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	966.243.442.609	966.243.442.609	1.477.299.398.367	1.324.253.801.708	1.119.289.039.268	1.119.289.039.268	
- <i>Vay ngân hàng</i>	841.699.361.846	841.699.361.846	1.383.867.805.769	1.199.709.220.945	1.025.857.946.670	1.025.857.946.670	
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Bắc Ninh <sup>(a)</sup>	-	-	84.990.035.260	-	84.990.035.260	84.990.035.260	
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN SGD I <sup>(b)</sup>	841.699.361.846	841.699.361.846	1.298.877.770.509	1.199.709.220.945	940.867.911.410	940.867.911.410	
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	124.544.080.763	124.544.080.763	91.768.452.598	124.544.580.763	91.767.952.598	91.767.952.598	
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD 6 <sup>(c)</sup>	72.162.830.763	72.162.830.763	38.300.000.000	72.162.830.763	38.300.000.000	38.300.000.000	
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Bắc Ninh <sup>(d)</sup>	43.228.000.000	43.228.000.000	43.212.452.598	43.228.000.000	43.212.452.598	43.212.452.598	
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN SGD I <sup>(e)</sup>	9.153.250.000	9.153.250.000	10.256.000.000	9.153.750.000	10.255.500.000	10.255.500.000	
- <i>Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	1.663.140.000	-	1.663.140.000	1.663.140.000	
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(h)</sup>	-	-	1.663.140.000	-	1.663.140.000	1.663.140.000	
<b>b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	192.799.237.598	192.799.237.598	311.418.331.975	114.581.500.134	389.636.069.439	389.636.069.439	
<b>b.1 Từ 1 năm đến 5 năm</b>	192.799.237.598	192.799.237.598	126.527.546.502	114.581.500.134	204.745.283.966	204.745.283.966	
- <i>Vay ngân hàng</i>	192.799.237.598	192.799.237.598	118.211.846.502	112.641.170.134	198.369.913.966	198.369.913.966	
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Bắc Ninh <sup>(d)</sup>	43.202.452.598	43.202.452.598	-	43.202.452.598	-	-	
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD 6 <sup>(c)</sup>	97.579.535.000	97.579.535.000	10.392.717.536	59.182.717.536	48.789.535.000	48.789.535.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD I <sup>(e)</sup>	52.017.250.000	52.017.250.000	1.083.950.000	10.256.000.000	42.845.200.000	42.845.200.000	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội <sup>(f)</sup>	-	-	106.735.178.966	-	106.735.178.966	106.735.178.966	
- <b>Nợ thuê tài chính</b>	-	-	<b>8.315.700.000</b>	<b>1.940.330.000</b>	<b>6.375.370.000</b>	<b>6.375.370.000</b>	
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(h)</sup>	-	-	8.315.700.000	1.940.330.000	6.375.370.000	6.375.370.000	
<b>b.2 Trên 5 năm</b>	-	-	<b>184.890.785.473</b>	-	<b>184.890.785.473</b>	<b>184.890.785.473</b>	
- <b>Vay ngân hàng</b>	-	-	<b>184.890.785.473</b>	-	<b>184.890.785.473</b>	<b>184.890.785.473</b>	
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam <sup>(g)</sup>	-	-	143.828.000.000	-	143.828.000.000	143.828.000.000	
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN SGD1 <sup>(e)</sup>	-	-	41.062.785.473	-	41.062.785.473	41.062.785.473	
<b>Cộng</b>	<b>1.159.042.680.207</b>	<b>1.159.042.680.207</b>	<b>1.788.717.730.342</b>	<b>1.438.835.301.842</b>	<b>1.508.925.108.707</b>	<b>1.508.925.108.707</b>	

(a): Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2600-LAV-201600999 ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với hạn mức tín dụng 85.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động thực hiện sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 01 năm, lãi suất vay được quy định trong từng giấy nhận nợ.

(b): Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/175407/HETDHH ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 với hạn mức tín dụng là 1.550.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay đến 30/9/2016, lãi suất vay trong kỳ từ 7%/ năm đến 8%/năm.

(c): Là các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD 6 theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01-2009/HANAKA-SGD/HETDDH ngày 31/7/2009, với hạn mức tín dụng là tổng số tiền gốc bằng VND tối đa tương ứng 7.609.805 USD để thanh toán tiền mua cổ phần của Công ty Cổ phần Hanaka Ijiri, thời hạn vay là 09 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay và một số tài sản của bên thứ ba.
- Hợp đồng tín dụng số 01/175407/2013/HETDDH ngày 29/10/2013 với số tiền gốc vay là 67.589.535.000 đồng để đầu tư máy móc, thiết bị thuộc dự án đầu tư mở rộng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị sản xuất dây và cáp điện. Thời hạn vay là 07 năm và khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 04/175407/2014/HĐTD ngày 30/6/2014 với số tiền gốc vay là 59.792.550.763 đồng, khoản vay để thanh toán tiền đầu tư dự án máy móc thiết bị sản xuất dây điện từ của Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka, khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(d): Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 2600-LAV-201000305 ngày 19/5/2010 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Bắc Ninh, hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương để bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu Công nghiệp Hanaka. Thời hạn vay là 5 năm, lãi suất cho vay VND là 15,3%/năm và USD, EUR là 7,5%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản hình thành trong tương lai tại khu công nghiệp Hanaka.

(e): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch I theo các hợp đồng sau :

- Hợp đồng tín dụng số 03.175407/2013/HĐTDDH ngày 29/11/2013 với số tiền là 3.500.000 USD để đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất. Thời hạn vay đến ngày 10/10/2021, lãi suất vay là 8,5%/năm và điều chỉnh 3 tháng 01 lần, khoản vay này được đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đứng tên Công ty Cổ phần cáp điện Hanaka Korea.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2016/175407/HĐTD ngày 15 tháng 3 năm 2016 với số tiền tối đa là 134.610.000.000 đồng để thanh toán một phần chi phí đầu tư máy móc thiết bị thuộc giai đoạn 2 dự án Đầu tư nâng cao công suất thiết bị sản xuất dây và cáp điện giai đoạn 2. Thời hạn vay 07 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất cáp điện của dự án Đầu tư nâng cao công suất thiết bị sản xuất dây và cáp điện giai đoạn 2.

(f): Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng sau :

- Hợp đồng tín dụng số 05/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.112100 ngày 01 tháng 10 năm 2016 với số tiền tối đa 245.000.000.000 đồng để đầu tư xây dựng đường TL 277 đoạn đầu tuyến từ Km0-Km3+680 từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong theo hình thức BT. Thời hạn vay 36 tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 06/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.112100 ngày 01 tháng 10 năm 2016 với số tiền tối đa 220.000.000.000 đồng vay cho Dự án Đầu tư xây dựng khu đô thị Hanaka 20ha để tạo vốn đối ứng thanh toán cho dự án đầu tư xây dựng Đường TL 277 từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong theo hình thức BT. Thời hạn vay 36 tháng.

Hai khoản vay trên được đảm bảo bằng Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Hanaka 20ha để tạo vốn đối ứng thanh toán cho dự án đầu tư xây dựng Đường TL 277 từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong theo hình thức BT tại phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh.

(g): Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 01/2015/HĐTDĐT-NHPT ngày 12 tháng 02 năm 2015 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – SGD I số tiền vay tối đa là 536.000.000.000 đồng để đầu tư các hạng mục của dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất máy biến áp truyền tải 220-500KV công suất đến 450 MVA. Thời hạn vay 114 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất vay 9,6%/năm, khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản hình thành trong tương lai từ nguồn vốn vay trên.

(h): Khoản nợ thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 104.16.06/CTTC ngày 07 tháng 12 năm 2016, thời hạn thuê là 60 tháng với mức lãi suất thuê là 8,5%/năm áp dụng trong 6 tháng từ ngày ký hợp đồng, sau đó được xác định bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng đối với cá nhân, hình thức trả lãi sau do Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng thêm biên độ 3,1%/năm và được áp dụng điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**14. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Hanacans	181.393.134.162	181.393.134.162	452.610.399.136	452.610.399.136
- Glencore International AG	52.569.964.415	52.569.964.415	102.202.325.920	102.202.325.920
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	128.823.169.747	128.823.169.747	173.283.596.316	173.283.596.316
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>				
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	34.312.309.161	34.312.309.161	34.312.309.161	34.312.309.161
- Công ty Cổ phần Bao bì Hanaka A.B.M	13.797.535.000	13.797.535.000	13.797.535.000	13.797.535.000
	20.514.774.161	20.514.774.161	20.514.774.161	20.514.774.161
<b>Cộng</b>	<b>215.705.443.323</b>	<b>215.705.443.323</b>	<b>486.922.708.297</b>	<b>486.922.708.297</b>

**c. Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	-	-	259.257.872	259.257.872
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>				
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	13.797.535.000	13.797.535.000	13.797.535.000	13.797.535.000
	13.797.535.000	13.797.535.000	13.797.535.000	13.797.535.000
<b>Cộng</b>	<b>13.797.535.000</b>	<b>13.797.535.000</b>	<b>14.056.792.872</b>	<b>14.056.792.872</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	46.070.350	3.065.158.625	17.059.192.226	7.735.595.782	46.070.350	10.952.550.555
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	49.808.545	-	47.539.283.585	47.539.283.586	49.808.546	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	2.410.308	32.815.386	33.184.617	-	2.041.077
- Thuế xuất nhập khẩu	144.365.064	1.832.994	2.325.343.284	2.192.659.262	11.681.042	1.832.994
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.999	3.545.763.966	6.027.048.881	225.759	236.758	9.572.812.847
- Thuế thu nhập cá nhân	-	79.890.389	310.389.607	148.738.976	-	241.541.020
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	151.342.000	153.342.000	2.000.000	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	15.000.000	15.000.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	29.837.363	-	1.794.067.549	1.794.067.549	29.837.363	-
<b>Cộng</b>	<b>270.092.321</b>	<b>6.695.056.282</b>	<b>75.254.482.518</b>	<b>59.612.097.531</b>	<b>139.634.059</b>	<b>20.770.778.493</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**16. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Ngắn hạn</i>	<b>2.803.981.612</b>	<b>3.965.822.257</b>
- Chi phí lãi vay	1.784.366.678	1.248.626.052
- Chi phí hạ tầng	-	452.420.683
- Các khoản trích trước khác	1.019.614.934	2.264.775.522
<b>Cộng</b>	<b>2.803.981.612</b>	<b>3.965.822.257</b>

**17. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>a. Ngắn hạn</i>	<b>58.222.155.455</b>	<b>29.517.395.213</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	2.494.187.218	2.486.192.218
- Kinh phí công đoàn	166.061.506	79.244.808
- Bảo hiểm xã hội	360.216.057	386.821.519
- Bảo hiểm y tế	36.233.460	40.801.886
- Bảo hiểm thất nghiệp	16.103.760	20.009.299
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	627.357.504	670.357.504
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	17.275.186.600	17.626.920.250
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	37.246.809.350	8.207.047.729
+ Các đối tượng khác	37.246.809.350	8.207.047.729
<i>b. Dài hạn</i>	<b>6.040.000.000</b>	<b>6.040.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.040.000.000	6.040.000.000
<b>Cộng</b>	<b>64.262.155.455</b>	<b>35.557.395.213</b>

**18. Doanh thu chưa thực hiện**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Ngắn hạn</i>	<b>5.638.526.803</b>	<b>412.401.287</b>
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	5.638.526.803	412.401.287
<b>Cộng</b>	<b>5.638.526.803</b>	<b>412.401.287</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**19. Vốn chủ sở hữu**

*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>1.100.000.000.000</b>	<b>125.314.460.708</b>	<b>49.333.130.601</b>	<b>1.274.647.591.309</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	(28.720.013.551)	(2.629.567.716)	(31.349.581.267)
- Tăng vốn bằng cổ phiếu thưởng	-	51.017.179	-	51.017.179
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(414.355.339)	(414.355.339)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.100.000.000.000</b>	<b>96.645.464.336</b>	<b>46.289.207.546</b>	<b>1.242.934.671.882</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>				
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	(9.039.451.563)	806.331.505	(8.233.120.058)
- Tăng khác	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.100.000.000.000</b>	<b>87.606.012.773</b>	<b>47.095.539.051</b>	<b>1.234.701.551.824</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.100.000.000.000	100	1.100.000.000.000	100
+ Công ty TNHH Hồng Ngọc	744.858.570.000	67,71	744.858.570.000	67,71
+ Ông Mẫn Ngọc Anh	252.332.280.000	22,94	252.332.280.000	22,94
+ Ông Đặng Đình Tình	38.448.420.000	3,50	38.448.420.000	3,50
+ Các đối tượng khác	64.360.730.000	5,85	64.360.730.000	5,85
<b>Cộng</b>	<b>1.100.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>1.100.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	110.000.000	110.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	110.000.000	110.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	110.000.000	110.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.000.000	110.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	110.000.000	110.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	2.292.477.410.596	1.833.037.376.494
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.306.988.371	24.105.077.544
<b>Cộng</b>	<b>2.337.784.398.967</b>	<b>1.857.142.454.038</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	529.250.300	72.862.123
- Hàng bán bị trả lại	6.351.100	1.242.060.711
<b>Cộng</b>	<b>535.601.400</b>	<b>1.314.922.834</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	2.119.800.610.742	1.665.584.320.973
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.972.898.539	10.173.515.688
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	19.141.773.843	(563.257.456)
<b>Cộng</b>	<b><u>2.143.915.283.124</u></b>	<b><u>1.675.194.579.205</u></b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	175.555.651	174.425.169
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.564.722.200	1.116.958.140
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.780.703.963	2.607.345.880
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.279.476	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.525.261.290</u></b>	<b><u>3.898.729.189</u></b>

**05. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	101.099.506.797	64.103.771.474
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.332.763.462	13.074.951.525
<b>Cộng</b>	<b><u>104.432.270.259</u></b>	<b><u>77.178.722.999</u></b>

**06. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	13.636.364	-
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng thu được	263.293.930	-
- Các khoản khác	1.242.373.985	6.662.071.983
<b>Cộng</b>	<b><u>1.519.304.279</u></b>	<b><u>6.662.071.983</u></b>

**07. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng	-	1.082.979.551
- Chi phí xử lý công nợ phải thu	-	51.417.965.204
- Phạt vi phạm hợp đồng	1.700.792.271	-
- Phạt vi phạm hành chính	25.646.928	4.200.000
- Các khoản khác	6.174.375.621	1.085.312.147
<b>Cộng</b>	<b><u>7.900.814.820</u></b>	<b><u>53.590.456.902</u></b>

Đơn vị tính: VND

**08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>72.663.285.153</b>	<b>61.732.029.128</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	17.173.779.318	15.136.843.866
- Chi phí vật liệu quản lý	1.186.746.630	1.235.231.521
- Chi phí đồ dùng văn phòng	623.669.918	464.114.621
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.832.441.640	1.852.359.120
- Thuế, phí và lệ phí	36.637.616	50.470.263
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.646.374.740	18.151.607.440
- Chi phí bằng tiền khác	27.735.217.524	16.005.636.678
- Chi phí dự phòng	1.592.652.148	-
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.835.765.619	8.835.765.619
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>16.567.308.649</b>	<b>19.089.796.328</b>
- Chi phí nhân viên	695.732.507	876.034.969
- Chi phí vật liệu, bao bì	15.754.247	320.435.816
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	200.089.914
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.526.738.484	11.183.750.943
- Các khoản chi phí bán hàng khác	3.329.083.411	6.509.484.686
<b>Cộng</b>	<b><u>89.230.593.802</u></b>	<b><u>80.821.825.456</u></b>

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.047.521.189	3.759.795.718
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	7.192.533.363
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>6.047.521.189</u></b>	<b><u>10.952.329.081</u></b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(9.039.451.563)	(28.720.013.551)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.039.451.563)	(28.720.013.551)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	110.000.000	110.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>(82)</u></b>	<b><u>(261)</u></b>

**11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(9.039.451.563)	(28.720.013.551)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.039.451.563)	(28.720.013.551)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	110.000.000	110.000.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>(82)</u></b>	<b><u>(261)</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**02. Giao dịch với các bên liên quan**

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
		<i>Đơn vị tính: VND</i>
<b>Ban điều hành</b>		
+ Phải thu ngắn hạn khác	-	110.120.333.208
<b>Cộng nợ phải thu</b>	-	<b>110.120.333.208</b>
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ban điều hành</b>		
+ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	28.070.561.815	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>28.070.561.815</b>	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	4.431.990.000	1.920.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.431.990.000</b>	<b>1.920.000.000</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	Ông Mẫn Ngọc Hồng Kông - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông là con ruột của Ông Mẫn Ngọc Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka

Trong năm tài chính, không có nghiệp vụ nào phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài số dư các khoản công nợ đã thuyết minh tại mục V.03, V.04 và V.14, còn một số các khoản công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH Hồng Ngọc</i>	<i>60.000.000.000</i>	<i>60.000.000.000</i>
+ Các khoản phải thu dài hạn khác	60.000.000.000	60.000.000.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

Đơn vị tính: VND

**03. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót**

**Điều chỉnh hồi tố**

Điều chỉnh hồi tố do thay đổi số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cá điện Hanaka – Korea. Cụ thể như sau:

	<b>Mã số</b>	<b>Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước</b>	<b>Số điều chỉnh</b>	<b>Số liệu sau điều chỉnh</b>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	412.598.434.413	(30.875.516)	412.567.558.897
Phải thu ngắn hạn khác	136	144.913.062.932	(513.759.694)	144.399.303.238
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(165.040.698)	165.040.698	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	3.265.808.661	(263.369.329)	3.002.439.332
Hàng tồn kho	141	948.527.959.555	(23.865.598.353)	924.662.361.202
Chi phí trả trước dài hạn	261	42.991.426.197	(18.287.626.310)	24.703.799.887
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9.597.940.530	(2.902.884.248)	6.695.056.282
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	134.111.482.657	(37.466.018.321)	96.645.464.336
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	48.716.493.481	(2.427.285.935)	46.289.207.546
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Giá vốn hàng bán	11	1.633.041.354.542	42.153.224.663	1.675.194.579.205
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	61.089.065.287	642.963.841	61.732.029.128
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	13.855.213.329	(2.902.884.248)	10.952.329.081
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	8.746.004.770	(37.466.018.321)	(28.720.013.551)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(202.281.781)	(2.427.285.935)	(2.629.567.716)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	80	(341)	(261)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	80	(341)	(261)
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01	22.398.936.318	(42.796.188.504)	(20.397.252.186)
Các khoản dự phòng	03	-	(165.040.698)	(165.040.698)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	48.580.954.062	528.935.285	49.109.889.347
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(471.662.798.731)	23.865.598.343	(447.797.200.388)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(10.878.399.092)	(32.520.899)	(10.910.919.991)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.472.891.500	18.287.626.310	19.760.517.810
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(61.205.833)	311.590.163	250.384.330



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**  
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**04. Thông tin bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất và thương mại: Sản xuất cáp điện, máy biến áp, bao bì kim loại và kinh doanh các sản phẩm khác.
- Dịch vụ: Đại lý bảo hiểm, cho thuê kho bãi, nhà hàng, ....

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất, thương mại	Dịch vụ	Cộng
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.291.941.809.196	45.306.988.371	2.337.248.797.567
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	2.288.724.881.063	44.328.004.832	2.333.052.885.895
Chi phí phân bổ	<b>3.216.928.133</b>	<b>978.983.539</b>	<b>4.195.911.672</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	381.122.202.265	177.352.167	381.299.554.432
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	80.336.597.689	251.419.704	80.588.017.393
<b>Cuối năm nay</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.974.678.226.006	4.099.041.191	2.978.777.267.197
Tài sản không phân bổ	<b>2.974.678.226.006</b>	<b>4.099.041.191</b>	<b>3.073.318.909.262</b>
Nợ phải trả bộ phận	1.836.451.608.135	2.165.749.303	1.838.617.357.438
Nợ phải trả không phân bổ			-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.836.451.608.135</b>	<b>2.165.749.303</b>	<b>1.838.617.357.438</b>

Đơn vị tính: VND

**Khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.593.043.962	-	42.094.001.297	-	39.593.043.962	42.094.001.297
Phải thu khách hàng và phải thu khác	446.780.806.134	(1.592.652.148)	613.609.091.388	(165.040.698)	445.188.153.986	613.444.050.690
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	54.548.598.103	-	50.404.034.198	-	54.548.598.103	50.404.034.198
<b>Cộng</b>	<b>540.922.448.199</b>	<b>(1.592.652.148)</b>	<b>706.107.126.883</b>	<b>(165.040.698)</b>	<b>539.329.796.051</b>	<b>705.942.086.185</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	215.705.443.323	486.922.708.297	215.705.443.323	486.922.708.297
Vay và nợ	1.508.925.108.707	1.159.042.680.207	1.508.925.108.707	1.159.042.680.207
Chi phí phải trả	2.803.981.612	3.965.822.257	2.803.981.612	3.965.822.257
Các khoản phải trả khác	54.521.995.950	31.873.967.979	54.521.995.950	31.873.967.979
<b>Cộng</b>	<b>1.781.956.529.592</b>	<b>1.681.805.178.740</b>	<b>1.781.956.529.592</b>	<b>1.681.805.178.740</b>

**06. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**07. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	181.393.134.162	34.312.309.161	-	215.705.443.323
Vay và nợ	1.119.289.039.268	204.745.283.966	184.890.785.473	1.508.925.108.707
Chi phí phải trả	2.803.981.612	-	-	2.803.981.612
Các khoản phải trả khác	54.521.995.950	-	-	54.521.995.950
<b>Cộng</b>	<b>1.358.008.150.992</b>	<b>239.057.593.127</b>	<b>184.890.785.473</b>	<b>1.781.956.529.592</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	452.610.399.136	34.312.309.161	-	486.922.708.297
Vay và nợ	966.243.442.609	192.799.237.598	-	1.159.042.680.207
Chi phí phải trả	3.965.822.257	-	-	3.965.822.257
Các khoản phải trả khác	25.833.967.979	6.040.000.000	-	31.873.967.979
<b>Cộng</b>	<b>1.448.653.631.981</b>	<b>233.151.546.759</b>	-	<b>1.681.805.178.740</b>

**08. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**09. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Tuy nhiên một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố lại chi tiết tại thuyết minh số VIII.03.

**10. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**Người lập biểu**



**Trần Thị Thanh Huyền**

**Phụ trách kế toán**



**Trần Thị Thanh Huyền**

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 8 năm 2018

**Tổng Giám đốc**



**Mãn Ngọc Anh**